TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 381/2018/HNGĐ-ST
Ngày 12 – 4 – 2018.
V/v "tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trịnh Minh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Bà Hồ Thị Ngọc Nga.

2.Ông Huỳnh Văn Bé.

***-Thư ký phiên tòa*:** Ông Dương Anh Đạt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1224/2017/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2017 về "Tranh chấp ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/3/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 74/2018/QĐHPT-ST ngày 22/3/2018 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ngọc T, sinh năm 1984. (có mặt)

Hộ khẩu thường trú: Đường số 443 tổ 99, ấp BC, xã P, huyện C, Thành phố H.

Địa chỉ cư trú hiện nay: Số 356 tổ 45, ấp PT, xã P, huyện C, Thành phố H.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1972. (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Đường số 443 tổ 99, ấp BC, xã P, huyện C, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn xin ly hôn ngày 08/8/2017 và lời khai của nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc T trình bày:

Bà T và ông Nguyễn Văn T sống chung như vợ chồng từ năm 2009, đến năm 2010 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, Thành phố H vào ngày 18/5/2010. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, sau đó vợ chồng thường xuyên gây gổ, cải vả nhau do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, đến khoảng tháng 5/2017 bà T đã cùng con về nhà cha mẹ ruột sinh sống, không còn sống chung với ông T cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, bà T yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Lê Thanh T, sinh ngày 25/12/2009, hiện nay đang được bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ T, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự khác: Bà T khai không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T:

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ ông T đến Tòa án cung cấp lời khai, tham dự phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, tham dự phiên tòa nhưng ông T không đến Toà án, không có lý do nên đưa vụ án ra xét xử để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn ông T; bị đơn ông T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Xét về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc T yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T, đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về "Ly hôn theo yêu cầu của một bên" theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, thuộc trường hợp "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Nguyễn Văn T cư trú tại xã P, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét sự vắng mặt của bị đơn ông Nguyễn Văn T tại phiên tòa:

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ ông T đến Tòa án cung cấp lời khai, chứng cứ và tham dự phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, tham dự phiên tòa nhưng ông T không đến Toà án, không có lý do; căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông T.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc T đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T:

Do ông T vắng mặt tại Tòa án không có lý do, căn cứ Điều 91, 96 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử chỉ xem xét lời khai và các chứng cứ do bà T cung cấp. Căn cứ lời trình bày của bà T và các chứng cứ thu thập tại hồ sơ thể hiện bà T và ông T sống chung như vợ chồng từ năm 2009, đến năm 2010 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, Thành phố H vào ngày 18/5/2010 nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Sau khi kết hôn, vợ chồng bà T, ông T hạnh phúc được một thời gian, sau đó vợ chồng thường xuyên gây gổ, cải vả nhau do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, đến khoảng tháng 5/2017 bà T

đã cùng con về nhà cha mẹ ruột sinh sống, không còn sống chung với ông T cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông T là trầm trọng, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quyết định chấp nhận yêu cầu của bà T ly hôn ông T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Lê Thanh T, sinh ngày 25/12/2009, hiện nay đang được bà T trực tiếp nuôi dưỡng, bà T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ T, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy gần 01 năm nay, sau khi bà T, ông T không còn sống chung, trẻ T được bà T trực tiếp nuôi dưỡng và trẻ T đã có bản khai nêu nguyện vọng được bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nhằm đảm bảo sự ổn định về tâm sinh lý của đứa trẻ và sự chăm sóc con trẻ của người phụ nữ nên chấp nhận yêu cầu của bà T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng trẻ T, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con là phù hợp Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự khác: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ(ba trăm ngàn đồng) bà T phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, 96, 227, 228, khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51, Điều 56, khoản 1 Điều 57, Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6 Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc T đối với ông Nguyễn Văn T:

-Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Ngọc T ly hôn ông Nguyễn Văn T.

-Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Lê Thanh T, sinh ngày 25/12/2009, giao cho bà Lê Thị Ngọc T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung Nguyễn Lê Thanh T, hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông Nguyễn Văn T cho đến khi có yêu cầu của bà Lê Thị Ngọc T. Việc giao nhận trẻ Nguyễn Lê Thanh T do hai bên đương sự tự thi hành hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức đóng góp cho việc nuôi dưỡng, giáo dục con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

-Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự khác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Án phí HNGĐ-ST: 300.000đ(ba trăm ngàn đồng) bà Lê Thị Ngọc T chịu nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ(ba trăm ngàn đồng) bà Lê Thị Ngọc T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007560 ngày 30/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

Bà Lê Thị Ngọc T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với ông Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
-TAND Tp.HCM;
-VKSND.H Củ Chi;
-Chi cục THADS. H Củ Chi;
-UBND nơi cấp giấy CN kết hôn;
-Các đương sự;
-Lưu VP,HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Trịnh Minh Đức